

**PHỤ LỤC I: CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 489/QĐ-SGTVT ngày 23/6/2022 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình)

TT	Quốc lộ/ đường	Tên cầu	Lý trình	Địa bàn	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy	Tải trọng Thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
										(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	(12)
1	ĐT.436	Cầu Bến Thè	4+00	Huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình	43,5	2	5,5	4,5	H13-X60			13		
2	ĐT.438	Cầu Chi Nê	0+300	Huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	135,2	4	8,0	7,0	H13-X60			13		
3	ĐT.439	Cầu Te	9+870	Huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	36,0	2	6,5	6,0	H13-X60			13		
4	ĐT.444	Cầu Trâm	7+299	Huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình	33,4	2	7,0	6,4	H13-X60			13		
5	ĐT.444	Cầu Chênh	7+873	Huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình	23,7	1	7,0	6,4	H13-X60			13		
6	ĐT.445	Cầu Ngòi Móng	0+200	Huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	32,0	1	4,5	3,9	H13-X60			13		
7	ĐT.445	Cầu Ngòi Mại	8+310	Huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	28,4	3	4,0	3,4	H13-X60			10		
8	ĐT.445	Cầu Ngòi Tôm	14+745	Huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	56,0	3	8,0	7,0	H13-X60			13		

**Ghi chú tại Phụ lục I:**

1. Các cầu trên đường tỉnh không khi trong bảng trên là các cầu không cấm biển tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

2. Trong Quyết định này không công bố các cầu đang xây dựng.

3. Các chỉ số tại Cột 11B gồm: Số hiệu thứ nhất giới hạn tổng tải trọng xe thân liền; Số hiệu thứ hai giới hạn tổng tải trọng xe đầu kéo kéo rơ mooc; Số hiệu thứ ba giới hạn tổng tải trọng xe thân liền kéo rơ mooc (tổng tải trọng bao gồm cả xe và hàng).

Ví dụ: Cột 11B có ghi: 13-18-20, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 13 tấn; Xe đầu kéo kéo rơ mooc được lưu thông với tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 18 tấn và xe thân liền kéo rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 20 tấn.

4. Chỉ số ghi ở Cột 11C thể hiện tải trọng tối đa ghi trên Biển số 115 "Hạn chế trọng lượng xe" (Biển số theo Quy chuẩn số QCVN 41:2016/BGTVT. Ví dụ ở cột 11C có ghi số "17"- Nghĩa là cầu có cấm biển Hạn chế trọng lượng xe từ 17 tấn trở lên. Tải trọng thực tế.

5. Cầu nào mà ở Cột 11A có ghi ký hiệu (\*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 11D